

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22807702] - Tự động hóa công
nghiệp (CCQ2215B)

CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 18...

Số bài thi:18...

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121150046	Nguyễn Công Đức		25/01/2003	CCQ2115B					
2	2122170583	Huỳnh Thái Nhã		30/06/2004	CCQ2215B		Huỳnh Nhã	9,0	8,6	8,8
3	2122150037	Đỗ Thế Quân		01/01/2004	CCQ2215B		Đỗ Quân	7,3	4,4	5,6
4	2122150039	Nguyễn Đức Quân		18/05/2004	CCQ2215B					
5	2122150017	Trần Khánh Quốc		27/10/2004	CCQ2215B		Quốc	7,0	7,3	7,2
6	2122150029	Cao Huỳnh Thái Sơn		20/07/2004	CCQ2215B		Sơn	9,3	8,6	8,9
7	2122150038	Nguyễn Trí Tài		07/02/2004	CCQ2215B		Tài	7,5	4,9	5,9
8	2122150007	Nguyễn Minh Tâm		27/10/2004	CCQ2215B		Tâm	7,8	7,5	7,6
9	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài Tấn		11/06/2004	CCQ2215B		Tấn	8,8	8,0	8,3
10	2122150035	Huỳnh Văn Thịnh		28/09/2003	CCQ2215B		Thịnh	7,5	4,8	5,9
11	2122150016	Nguyễn Xuân Thịnh		28/06/2004	CCQ2215B		Thịnh	9,5	9,2	9,3
12	2122150025	Phan Ngọc Thông		21/03/2004	CCQ2215B		Thông	9,0	8,8	8,9
13	2122150006	Nguyễn Thành Tính		20/04/2004	CCQ2215B		Tính	9,5	8,6	9,0
14	2122150019	Nguyễn Minh Trí		01/11/2003	CCQ2215B		Trí	7,5	4,9	5,9
15	2122150042	Đặng Công Trình		26/04/2004	CCQ2215B		Trình	8,3	4,8	6,2
16	2122150031	Nguyễn Minh Trức		17/02/2004	CCQ2215B		Trức	9,0	8,5	8,7
17	2122150030	Hồ Quang Trung		28/10/2004	CCQ2215B		Trung	7,0	7,7	7,4
18	2122150014	Nguyễn Văn Truyền		25/10/2004	CCQ2215B		Truyền	6,8	4,7	5,5
19	2122150096	Tô Tuấn Việt		14/10/2004	CCQ2215B		Việt	8,5	7,8	8,1
20	2122150010	Trần Như Tuấn Vũ		19/10/2003	CCQ2215B		Vũ	7,8	4,8	6,0